

Bản án số: 28/2021/HSST

Ngày: 05 - 02 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Nguyên Khánh;

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên tòa:*  
bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 06/2021/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. *Nguyễn N N*; sinh năm 1983, tại: TP. H; Nơi đăng ký NKTT: 107/108-109 đường L L, phường P T, quận T, TP. H; chỗ ở hiện nay: 87/1 đường T H, phường H T, quận T, TP. H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê M S, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị H H, sinh năm 1956; tiền sự: không; tiền án: không;

*Nhân thân:* ngày 26/7/2004 bị Tòa án nhân dân TP. H xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giết tài sản*” (Bản án số 1213/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2006 (Giấy chứng nhận số 285/GCN của Trại giam C B); ngày 06/6/2007 bị Tòa án nhân dân quận 10, TP. H xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội: “*Cướp giết tài sản*” (Bản án số 85/2007/HSST); ngày 15/11/2011 bị Tòa án nhân dân quận T, TP. H xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội: “*Cướp giết tài sản*” (Bản án số 261/2011/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/02/2015 (Giấy chứng nhận số 371/GCN của Trại giam thủ Đức).

Bị bắt tạm giữ ngày 21/09/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, tp. H và có mặt tại phiên tòa.

2. *Nguyễn V H*, sinh năm 1968, tại: TP. H; Nơi đăng ký NKTT: 18/31 Hoàng N P, phường P T H, quận T, TP. H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Gót (chết) và bà: Nguyễn T M (chết); Vợ: Nguyễn T U,

sinh năm 1970; có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1987; nhỏ nhất sinh năm 1995);

- *Nhân thân*: ngày 07/6/2014 bị Công an phường 14, quận 5, TP. H xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 02/QĐ-CAQ5); ngày 15/5/2015 bị Tòa án nhân dân quận T B, TP. H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 113/2015/HSST).

- *Tiền sự*: không;

- *Tiền án*: ngày 17/01/2002 bị Tòa án nhân dân quận 1, TP. H xử phạt 24 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngày 02/4/2002 Tòa án nhân dân TP. H xét xử phúc thẩm Y án sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2003 (theo Giấy chứng nhận số 663/GCN của Trại giam B L). Bị cáo chưa nộp 5.000.000 đồng hình phạt bổ sung;

Bị bắt tạm giữ ngày 21/09/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, tp. H và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Đinh T L, sinh năm 1992; trú tại: số 79/20B đường P T H, phường P T H, quận T, TP. H (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn V H, sinh năm 1981; trú tại: 15/10 đường N M C, phường H T, quận T, TP. H. (Vắng mặt)

2. Anh Lê V K, sinh năm 1978; trú tại: 01/12 thôn B Đ 1, xã B H, thị xã T A, tỉnh B D. (Vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn N N và Nguyễn V H là bạn quen nhau ngoài xã hội. Khoảng 20 giờ, ngày 20/9/2020, H gọi điện thoại rủ N đi cướp giật tài sản để bán kiếm tiền chia nhau tiêu xài, N đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe máy hiệu Yamaha Mio biển số: 61C1-158.36 qua đón N tại phòng trọ số 30, nhà số 87/1 T H, phường H T, quận T rồi chở N qua nhiều tuyến đường tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến hẻm số 79 P T H (hướng ra đường Nguyễn Sơn) thì N phát hiện chị Đinh T L đang ngồi trước cửa nhà số 79/20A P T H, phường P T H, quận T, hai tay chị L đang sử dụng điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S Plus nên N chỉ cho H thấy và nói “*Có người phụ nữ sử dụng điện thoại di động kia, có giật không anh?*”, H trả lời “*ừ*”. Sau đó, H chở N rẽ vào đường hẻm 79/18 P T H (bên hông trái nhà số 79/20A P T H, phường P T H, quận T) rồi dựng xe đầu hướng vào trong hẻm, cách chị L khoảng 04 mét và đứng ngoài chờ N giật điện thoại xong để cả hai tẩu thoát còn N xuống xe đi bộ đến dùng tay phải giật được điện thoại của chị L rồi chạy lại vị trí H chờ. Lúc này, chị L đuổi theo và tri hô, thấy vậy H đã quay đầu xe lại và tăng ga xe chạy ra đường hẻm 79 P T H hướng ra đường P T H (ngược chiều hướng tẩu thoát của N) nên N không leo lên xe của H được và tiếp tục bỏ chạy bộ vào trong hẻm 79/18 P T H, phường P T H, quận T. Khi N chạy đến trước số 79/18/14D P T H, phường P T H, thì bị quần chúng bắt giữ cùng tang vật. Còn Nguyễn V H điều

khiến xe chạy tẩu thoát về nhà tại 18/31 Hoàng N P, phường P T H, quận T. Qua truy xét Công an đã bắt giữ được Nguyễn V H.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn N N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Đối với Nguyễn V H tại Công an phường, các lời khai và biên bản đối chất ban đầu đều thừa nhận cùng Nguyễn N N thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhưng đến giai đoạn điều tra bị can H đã thay đổi lời khai không thừa nhận cùng N đi cướp giật tài sản. Tuy nhiên, đến giai đoạn truy tố bị can Nguyễn V H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 2364/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Tân Phú, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus trị giá 2.750.000 đồng.

**Vật chứng:**

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, là tài sản N và H cướp giật. Công an phường P T H đã trả lại cho chị L.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Mio biển số 61C1-158.36, số khung RLCM 23B309Y030259, số máy 23B3-030259, là phương tiện H sử dụng chở N đi cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định, xe gắn máy trên do anh Lê V K (thường trú 1/12 B Đ 1, phường B H, thị xã T A, tỉnh B D) đứng tên chủ sở hữu. Anh K cho anh Nguyễn V H mượn xe gắn máy trên làm phương tiện đi lại. Ngày 20/9/2020 H mượn xe của anh H để đi công chuyện, anh H không biết việc H sử dụng xe gắn máy để đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã trả cho anh Lê V K.

- 01 điện thoại di động hiệu Hwei Nova 3i màu đen, số Imei 862966042850353; thu giữ của bị can Nguyễn N N. Cơ quan điều tra đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 254/PNK ngày 25/9/2020;

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSQ.TP ngày 14 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn N N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn V H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề cập xử lý phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

- Các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra viên, Kiểm sát viên, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H đã khai nhận như sau: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/09/2020 Nguyễn V H gọi điện thoại rủ Nguyễn N N đi cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài, N đồng ý. H điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Mio, biển số 61C1-158.36 chở N lưu thông trên đường P T H, phường P T H, quận T thì N phát hiện chị Đinh T L đang ngồi trước cửa nhà số 79/20A đường P T H hai tay đang sử dụng điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S Plus và rủ H cướp giật. H chở N rẽ vào đường hẻm 79/18 P T H rồi dựng xe đầu hướng vào trong hẻm, cách chị L ngồi khoảng 4 mét và đứng chờ N giật điện thoại xong để cả hai cùng tẩu thoát. N xuống xe đi bộ đến áp sát chị L rồi dùng tay phải giật điện thoại trên tay chị L và bỏ chạy. Chị L đuổi theo truy hô, khi N chạy đến trước số nhà 79/18/14D đường P T H thì bị quần chúng bắt giữ cùng tang vật. Riêng H điều khiển xe chạy thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2364/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự quận Tân Phú, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, trị giá: 2.750.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng số 19/CT-VKSQ.TP ngày 14/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H đã truy tố các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H về tội: “*Cướp giật tài sản*” theo khoản 1 điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều là những người có

nhân thân xấu. Do đó, cần thiết xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ và H quả do các bị cáo gây ra để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Vụ án có nhiều bị cáo tham gia. Tuy nhiên, chỉ là đồng phạm giản đơn vì giữa các bị cáo không có sự phân công và câu kết chặt chẽ. Để có cơ sở lượng hình, Hội đồng xét xử phân tích vai trò tham gia của từng bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

[4.1] Đối với bị cáo Nguyễn N N: là người phát hiện chị Đinh T L sử dụng điện thoại di động và rủ H cướp giật và cũng chính bị cáo là người thực hành trực tiếp giật 01 điện thoại di động của chị L.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn V H: Chính bị cáo là người trực tiếp rủ rê, lôi kéo và sử dụng phương tiện điều khiển xe máy chở N ngồi sau đi tìm tài sản sơ hở của người dân để cướp giật. Khi N phát hiện chị L đang sử dụng điện thoại di động, N rủ H cướp giật, H đã đồng ý. H điều khiển xe máy đứng đợi N ra tay cướp giật điện thoại di động của chị L rồi cùng nhau lên xe để tẩu thoát. Vai trò của H là người giúp sức tích cực. Mặt khác, ngày 17/01/2002 bị cáo H bị Tòa án nhân dân TP. H xử phạt 24 tháng tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chưa nộp phạt bổ sung, nên lần phạm tội này được xác định tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tuy nhiên, khi nghị án lượng hình cũng cần cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo vì: tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Tài sản đã kịp thu hồi và trao trả đầy đủ cho chủ sở hữu nên hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra đã thu hồi 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus và lập biên bản trao trả cho người bị hại. Người bị hại chị Đinh T L không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, là tài sản N và H cướp giật. Công an phường P T H đã trả lại cho chị L là phù hợp.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Mio biển số 61C1-158.36, số khung RLCM 23B309Y030259, số máy 23B3-030259, là phương tiện H sử dụng chở N đi cướp giật tài sản. Quá trình điều tra xác định, xe gắn máy trên do anh Lê V K (thường trú 1/12 B Đ 1, phường B H, thị xã T A, tỉnh B D) đứng tên chủ sở hữu. Anh K cho anh Nguyễn V H mượn xe gắn máy trên làm phương tiện đi lại. Ngày 20/9/2020 H mượn xe của anh H để đi công chuyện, anh H không biết việc H sử dụng xe gắn máy để đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã trả cho anh Lê V K là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Hwei Nova 3i màu đen, số Imei 862966042850353; thu giữ của bị can Nguyễn N N. Đây là phương tiện phạm tội, nên cần tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước. Cơ quan điều tra đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số 254/PNK ngày 25/9/2020;

[8] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H đều phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

[2] Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xử phạt bị cáo Nguyễn N N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.  
Thời gian ở tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 20/09/2020.

[4] Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Xử phạt bị cáo Nguyễn V H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.  
Thời gian ở tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 21/09/2020.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Hwei Nova 3i màu đen, số Imei 862966042850353; thu giữ của bị can Nguyễn N N. Hiện đang nhập kho theo Phiếu nhập kho số 254/PNK ngày 25/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận T, TP. H.

[7] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn N N, Nguyễn V H. Mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Người bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- Bị cáo;
- Người bị hại;

- VKSND Q.T;
- THADS quận T;
- Công an Q.T;
- P.PC27-CATP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Đức Thành**